HỢP TÁC GIÁO DỤC ĐẠI HỌC GIỮA VIỆT NAM VÀ HOA KỲ (1995-2023)

TRƯƠNG THÙY DUNG*

Quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ ghi dấu ấn với nhiều bước thăng trầm trong lịch sử, từ những liên hệ kinh tế đầu tiên của Đại sứ Hoa Kỳ tại Pháp Thomas Jeffeson trong thế kỷ XVIII, đến những xung đột sâu sắc về ý thức hệ và cuộc chiến tranh lâu dài trong thế kỷ XX và cho đến ngày nay, sau một chặng đường dài "khép lại đau thương", hướng đến mục tiêu cùng phát triển, Việt Nam và Hoa Kỳ đã chính thức trở thành đối tác chiến lược toàn diện vào năm 2023. Trong chặng đường 28 năm (1995-2023) kể từ khi hai nước chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao đã ghi nhận những nỗ lực không ngừng của hai nước trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục, an ninh, quốc phòng để đưa mối quan hệ từ "cựu thù" sang thiết lập quan hệ ngoại giao ở mức cao nhất - "Đối tác chiến lược toàn diện". Trong bài viết này, chúng tôi xem xét mối quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ dưới góc độ hợp tác về giáo dục đại học, một trong những trụ cột trong quá trình "nâng cấp" mối quan hệ của hai nước trong gần 30 năm qua.

1. Hợp tác giáo dục đại học Việt Nam - Hoa Kỳ trong chính sách của hai quốc gia

Sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ giành thắng lợi, chính phủ Việt Nam đã có những động thái tích cực, hướng đến bình thường hóa mối quan hệ với Hoa Kỳ. Tuy nhiên, những mất mát từ cuộc chiến tranh về cả vật chất và tinh thần cùng sự cách xa nhau trong lập trường đàm phán đã dẫn đến kết quả thất bại trong việc thoả thuận các điều kiện để đi đến một hiệp định. Trong 20 năm (1975-1995) kể từ thời điểm kết thúc chiến tranh đến khi Việt Nam và Hoa Kỳ chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao, mặc dù chưa có được những ký kết chính thức từ chính phủ hai nước, nhưng các động thái, nỗ lực để bình thường hóa quan hệ giữa hai nước đến từ các cá nhân tiến bộ, các tổ chức của Hoa Kỳ và Việt Nam đã diễn ra một cách kiên trì, liên tục và bền bỉ. Tiêu biểu trong số đó là các cá nhân như Thượng nghị sĩ John McCain, cựu Ngoại trưởng Hoa Kỳ John Kerry, cựu Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Nguyễn Cơ Thạch, Nguyễn Mạnh Cầm, và các tổ chức như: Trung tâm William Joiner tại Đại học Massachusetts (Boston), Quỹ Ford, Viện Harvard -Yenching, Quỹ châu Á (The Asia Foundation)... Mặc dù các hoạt động kết nối giữa hai bên thời gian đầu chủ yếu xoay quanh việc giải quyết vấn đề tù binh và những binh sĩ mất tích trong chiến tranh (POW/MIA), tuy nhiên những kết nối trên lĩnh vực giáo dục cũng đã bắt đầu được khởi

*TS. Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

động, là một trong những hoạt động nhân văn, có tác động tích cực đến tiến trình bình thường hóa quan hệ giữa hai nước.

Sự thiết lập mối quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ trên lĩnh vực giáo dục trong thời kỳ hậu chiến đã được kế thừa những di sản từ mối quan hệ giữa Việt Nam Cộng hoà và Hoa Kỳ giai đoạn trước đó. Thế kỷ XX, với mục tiêu từng bước thay thế ảnh hưởng của Pháp tại Đông Dương nói chung, Việt Nam nói riêng, Hoa Kỳ xem văn hoá - giáo dục như một phương thức để lan tỏa ảnh hưởng của mình. Mặc dù chỉ có hơn 20 năm để xây dựng "mô hình Hoa Kỳ" ở miền Nam Việt Nam, nhưng dấu ấn của nền giáo dục Hoa Kỳ vẫn để lại khá đậm nét trong nền giáo dục Việt Nam Cộng hòa, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục đại học. Mô hình giáo dục Hoa Kỳ đã dần thay thế mô hình giáo dục Pháp vốn được thiết lập tại Việt Nam trong suốt hơn nửa thế kỷ. Những xu thế mới trong phát triển đại học của các quốc gia tiên tiến như: sự ra đời của các trường đại học cộng đồng, xu thế địa phương hóa giáo dục đã nhanh chóng được cập nhật tại miền Nam Việt Nam trong những thập niên 60, 70 của thế kỷ XX. Sự xuất hiện của các tổ chức và các chuyên gia giáo dục Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam trong vai trò đồng minh của chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã mang đến một màu sắc mới cho nền giáo dục này. Từ nền giáo dục dành cho giới tinh hoa theo ảnh hưởng của nền giáo dục Pháp trước đó, giáo dục dưới thời Việt Nam Cộng hòa đã hướng đến một nền giáo dục đại chúng, nền giáo dục dành cho số đông người dân. Tính đại chúng thể hiện rõ trong sự tăng lên về số lượng các trường đại học trên khắp miền Nam Việt Nam, kéo theo đó là sự tăng nhanh về số lượng giảng viên, sinh viên và cả ngành học. Ngôn ngữ tiếng Pháp cũng dần được thay thế bằng ngôn ngữ tiếng Việt trong các trường học dưới thời Việt Nam Cộng hòa.

Ngay trong thời kỳ chiến tranh, sự tham gia của các tổ chức và cá nhân của Hoa Kỳ trong việc phát triển giáo dục đại học tại miền Nam Việt Nam đã rất đa dạng, bao gồm các tổ chức của chính phủ, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức tư nhân, các nhóm nghiên cứu từ các trường đại học. Để tránh những trùng lắp trong các hoạt động hợp tác, đồng thời đảm bảo tính hiệu quả cho những hoạt động đó, Cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ (US Agency for International Development - USAID) điều phối các hoạt động hỗ trợ, hợp tác giáo dục với Việt Nam Cộng hòa. Một số kết quả trong lĩnh vực hợp tác về giáo dục đại học trong giai đoạn này có thể kể đến như: Quỹ châu Á (The Asia Foundation) hỗ trợ xây dựng thư viện cho các trường đại học tại miền Nam Việt Nam như Viện Đại học Huế, Viện Đại học Sài Gòn, Viện Đại học Vạn Hạnh, Viện Đại học Đà Lạt (1); Đại học bang Michigan hỗ trợ đào tạo và xây dựng hệ thống tư pháp cho Việt Nam Cộng hòa (2); Đại học Ohio hỗ trợ đào tạo giáo viên và xây dựng các trường thực nghiệm tại miền Nam Việt Nam (3); Đại học Florida đảm trách hỗ trợ đào tạo về ngành Nông nghiệp (4); Đại học Wisconsin Stevens Point tư vấn và hỗ trợ cải cách hệ thống giáo dục đại học (5). Sự điều phối xuyên suốt của USAID đối với các hoạt động hợp tác giáo dục giữa Việt Nam và Hoa Kỳ tiếp tục được duy trì sau khi Việt Nam được thống nhất và hai nước nối lại quan hệ ngoại giao.

Nghiên cứu về quá trình hợp tác giữa Việt Nam Cộng hòa và Hoa Kỳ trên lĩnh vực giáo dục, trong đó có giáo dục đại học chúng ta có thể thấy, sự tăng giảm trong mối quan hệ hợp tác về giáo dục chịu tác động trực tiếp và sâu sắc từ mối quan hệ

của VNCH với Hoa Kỳ và nằm trong sự chi phối của chính sách đối ngoại Hoa Kỳ.

Các hoạt động hợp tác giáo dục đại học giữa Việt Nam và Hoa Kỳ trong thời kỳ hậu chiến cũng chịu ảnh hưởng sâu sắc từ chính sách đối ngoại và chính sách giáo dục của hai nước. Từ phía Hoa Kỳ, chúng ta có thể thấy rõ điều này thông qua những thay đổi về chiến lược an ninh quốc gia, về chính sách đối ngoại và những ưu tiên hợp tác của Hoa Kỳ qua các giai đoạn khác nhau.

Dưới chính quyền Tổng thống Bill Clinton với chiến lược mang tên "Chiến lược an ninh quốc gia: Sự cam kết và mở rộng, 1995-1996" hướng tới không chỉ sự phát triển mạnh mẽ trong nội tại của Hoa Kỳ mà còn khẳng định vai trò lãnh đạo thế giới khi là siêu cường duy nhất trong thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh. Để thể hiện rõ vai trò đó, tại những khu vực mà theo quan điểm của Hoa Kỳ, là nơi xuất hiện nhiều nguy cơ thách thức như khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Hoa Kỳ cần đảm bảo vai trò lãnh đạo của mình bằng việc duy trì tốt mối quan hệ với các nước trong khu vực. Vì thế, duy trì một mối quan hệ tốt đẹp với Việt Nam không chỉ giúp Hoa Kỳ thực hiện chiến lược cân bằng lực lượng và đảm bảo những quyền lợi của Hoa Kỳ tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương mà còn giúp cho họ lấy lại được những ảnh hưởng đã bị giảm sút kể từ khi rút khỏi miền Nam Việt Nam vào năm 1973. Trong nhiệm kỳ của Tổng thống Bill Cliton đã đạt được một bước ngoặt lớn trong việc cải thiện mối quan hệ hai nước, chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Hoa Kỳ vào tháng 7-1995. Bill Clinton cũng khẳng định: "Việc ký kết quyết định bình thường hóa quan hệ với Việt Nam là một trong những thành tựu quan trọng nhất của tôi" (6). Năm 2000, ông có chuyến thăm chính thức đến Việt Nam và là vị Tổng thống Hoa Kỳ đầu tiên tới Việt Nam sau khi chiến tranh kết thúc (1975). Trong chuyến thăm này, ông cũng dành nhiều thời gian cho vấn đề phát triển giáo dục và có buổi giao lưu với sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội cũng như có chuyến thăm tới một trường tiểu học tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng thống Bill Clinton là một trong những chính khách nhiệt tâm với vấn đề hàn gắn và đẩy mạnh mối quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ. Ngay cả khi hết nhiệm kỳ, ông đã nhiều lần trở lại Việt Nam trên các cương vị khác nhau để thúc đẩy mối quan hệ hai nước. Ví dụ như, tháng 12-2006, ông đến Việt Nam với tư cách Chủ tịch Quỹ Bill Clinton; năm 2010 ông có chuyến thăm Việt Nam nhân kỷ niệm 15 năm bình thường hóa quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ, năm 2014 ông tới Việt Nam để thúc đẩy hoạt động của Quỹ Bill Clinton; năm 2015 ông tiếp tục có chuyến thăm Việt Nam nhân dịp kỷ niệm 20 năm bình thường hóa quan hệ giữa hai nước.

Một chiến lược an ninh quốc gia mới đã được công bố vào ngày 20-9-2002 dưới chính quyền của Tổng thống George Bush (2001-2009). Chiến lược này có những đặc điểm nổi bật như: Duy trì bá quyền dựa trên ưu thế về sức mạnh quân sự; thực hiện chủ nghĩa đơn phương nhằm bảo đảm quyền tự do được hành động; chống khủng bố trở thành ưu tiên chiến lược đánh đòn phủ đầu; thúc đẩy tăng trưởng kinh tế toàn cầu, thực thi thương mại tự do và dân chủ trên thế giới (7). Trong nhiệm kỳ của mình, Tổng thống George Bush cũng đã dành một chuyến công du đến Việt Nam vào năm 2006. Trong chuyến làm việc của ông với các quan chức cấp cao của Việt Nam, bên cạnh những cam kết với các vấn đề hợp tác đã có, Tổng thống Bush đã gợi ý, hai bên cần có những "sáng tạo mới" để thúc đẩy quan hệ hai nước và lĩnh vực ông muốn

hướng đến đó chính là tăng cường giúp đỡ về mặt giáo dục cho Việt Nam (8).

Đến nhiệm kỳ của Tổng thống Barack Obama (2009-2016), "smart power - quyền lực thông minh" đã trở thành xương sống trong chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ. Tổng thống Obama cho rằng sức mạnh mềm thể hiện những lý tưởng, cam kết sâu sắc nhất và sự chuẩn mực của Hoa Kỳ đối với thế giới trên phương diện quốc tế. Đặc biệt với chính sách "xoay trục", hay còn gọi là "tái cân bằng" tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương được thực hiện trong giai đoạn này, vị trí của Việt Nam trong đánh giá của Hoa Kỳ ngày càng quan trọng, là một bên để kiềm chế sức mạnh của Trung Quốc trong khu vực. Mặt khác, Hoa Kỳ còn nhìn thấy những lợi ích trên nhiều mặt khi tăng cường mối quan hệ với Việt Nam như: Lợi ích địa chính trị; Lợi ích địa kinh tế - thương mại; Nhu cầu giải quyết "di sản chiến tranh"... (9). Năm 2016, trong chuyến thăm Việt Nam, Tổng thống Obama đã dành nhiều thời gian quan tâm đến những người trẻ và vấn đề hợp tác giáo dục giữa hai nước. Trong buổi nói chuyện cùng 800 người đã từng học tập, nghiên cứu tại Hoa Kỳ và những người có đóng góp cho sự phát triển quan hệ hai nước, ông chia sẻ: "Các trường đại học danh tiếng của Hoa Kỳ đã đến Việt Nam để tăng cường hợp tác, đào tạo (10).

Trong nhiệm kỳ của Tổng thống Donald Trump (2016-2020), với mục tiêu "Make American Great Again", chính phủ Hoa Kỳ tập trung vào các vấn đề lớn: Bảo vệ tổ quốc, nhân dân và cách sống của người Hoa Kỳ; Thúc đẩy sự thịnh vượng của Hoa Kỳ; Gìn giữ hòa bình thông qua sức mạnh; Thúc đẩy tầm ảnh hưởng của Hoa Kỳ. Ông cũng là vị tổng thống thứ 4 của Hoa Kỳ có chuyến thăm chính thức Việt Nam. Tuy nhiên, trong nhiệm kỳ của ông, do chính sách thắt chặt đối với sinh viên quốc tế đã ảnh hưởng không nhỏ đến sinh viên Việt Nam. Theo báo cáo của Quỹ quốc gia về chính sách của Hoa Kỳ, số lượng du học sinh Việt Nam tại các trường đại học ở Hoa Kỳ năm 2017 đã giảm 4% so với năm 2016 (11).

Tình trạng khó khăn đã được khắc phục trong nhiệm kỳ Tổng thống tiếp theo của Hoa Kỳ. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương, đặc biệt là Đông Nam Á tiếp tục là khu vực được quan tâm đặc biệt trong chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ dưới chính quyền của Tổng thống Joe Biden. Ngay từ đầu nhiệm kỳ của Tổng thống Biden, nhiều quan chức cấp cao của Hoa Kỳ đã đến Việt Nam như chuyến thăm của Phó Tổng thống Kamala Harris, Bộ trưởng Quốc phòng Lloyd Austin, Bộ trưởng Ngoại giao Antony Blinken, Đại diện Thương mại Katherine Kai. Đặc biệt là chuyến thăm chưa có tiền lệ của Tổng thống Joe Biden vào năm 2023 theo lời mời của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng. Chuyến công du của Tổng thống Joe Biden đã đạt được kết quả tốt đẹp vượt trên cả mong đợi. Một Tuyên bố chung chính thức xác lập quan hệ *Đối tác chiến lược toàn diện vì hòa bình, hợp tác và phát triển bền vững Việt Nam - Hoa Kỳ* đã được ký kết. Một trong những nội dung quan trọng trong cam kết hợp tác giữa Việt Nam và Hoa Kỳ sau khi nâng cấp mối quan hệ đó chính là "hai bên quyết định đẩy mạnh hợp tác về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực số, coi đây là đột phá mới của quan hệ đối tác chiến lược toàn diện. Hoa Kỳ khẳng định cam kết tăng cường hỗ trợ Việt Nam đào tạo và phát triển lực lượng lao động công nghệ cao. Đồng thời, đưa ra nhiều cam kết tăng cường hỗ trợ phát triển, bao gồm phát triển hạ tầng, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo" (12).

Từ phía Việt Nam, những quan tâm cho vấn đề phát triển giáo dục cũng luôn được đặt vào vị trí trung tâm trong chiến lược phát triển quốc gia. Đặc biệt, sang thế kỷ XXI, vấn đề cải cách giáo dục đại học, đưa các trường đại học Việt Nam tiệm cận với tiêu chuẩn của các trường đại học trong khu vực và trên thế giới được xem là một trong những vấn đề trọng điểm của chiến lược phát triển quốc gia. Với những di sản đã có trong hợp tác giáo dục trong những năm 1954-1975 và là một quốc gia có nhiều trường đại học đứng đầu thế giới, Hoa Kỳ trở thành một đối tác quan trọng cho Việt Nam có thể hiện thực hóa các mục tiêu của mình.

Trong chuyến công du của Thủ tướng Phan Văn Khải đến Hoa Kỳ vào tháng 6-2005, ông đã tham dự một Hội thảo giáo dục với chủ đề "Làm thế nào để xây dựng một trường đại học đẳng cấp quốc tế ở Việt Nam" được tổ chức tại Trường Harvard Kennedy, Đại học Harvard. Thủ tướng Phan Văn Khải đã bày tỏ mong muốn nâng cao chất lượng giáo dục đại học Việt Nam và có thể học hỏi những kinh nghiệm trong việc xây dựng hệ thống giáo dục đại học đẳng cấp như Hoa Kỳ. Những năm sau đó, trong các chuyến thăm Hoa Kỳ của các nhà lãnh đạo Việt Nam, vấn đề hợp tác giáo dục, đặc biệt là hợp tác trên lĩnh vực giáo dục đại học luôn là một trong những nội dung chính được thảo luận.

Có thể đề cập tới như chuyến thăm của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam, Nguyễn Thiện Nhân vào cuối tháng 11, đầu tháng 12-2006 đã đạt được Bản ghi nhớ giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam và Tập đoàn Microsoft của Hoa Kỳ về hợp tác phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin và truyền thông, đưa ứng dụng công nghệ thông tin vào học tập và giảng dạy với chương trình mang tên "Partners in Learning".

Năm 2008, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng cũng có chuyến thăm và làm việc tại Hoa Kỳ; Một trong những kết quả quan trọng của chuyến thăm này là hai bên thống nhất thành lập một Nhóm chuyên trách giáo dục đại học Hoa Kỳ - Việt Nam. Trong chuyến công du tại Hoa Kỳ của Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân vào năm 2009, nội dung hợp tác trong lĩnh vực giáo dục đại học được ông nhấn mạnh thông qua việc đề nghị tăng học bổng cho sinh viên, nghiên cứu sinh Việt Nam, tạo điều kiện để các cơ quan nghiên cứu giáo dục hai nước tăng cường các hoạt động giao lưu, trao đổi kinh nghiệm. Năm 2013 đánh dấu một mốc quan trọng trong quan hệ ngoại giao giữa hai nước, chính thức nâng cấp quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ lên thành *Quan hệ đối tác toàn diện*, trong đó giáo dục là một trong 9 lĩnh vực then chốt được đề cập đến. Cũng trong năm 2013, Chiến lược hợp tác phát triển quốc gia của USAID tại Việt Nam giai đoạn 2014-2018 đã được chính phủ Việt Nam phê duyệt, hai lĩnh vực được chính phủ Hoa Kỳ cam kết ưu tiên đặc biệt đó là môi trường và giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học và giáo dục hòa nhập cho người kém may mắn (13).

Năm 2017, Tuyên bố chung về tăng cường Đối tác toàn diện giữa Việt Nam và Hoa Kỳ đã được ký kết giữa Thủ tướng chính phủ và Tổng thống Hoa Kỳ, trong đó đặc biệt thông qua các chương trình trao đổi học thuật và chuyên môn. Hai bên ghi nhận sự đóng góp quan trọng đối với quan hệ hai nước của cộng đồng người Việt Nam tại Hoa Kỳ và gần 4.000 cựu sinh viên trong các chương trình trao đổi giáo dục" (14). Trong hai chuyến công du của Thủ tướng Phạm Minh Chính vào tháng 5-2022

và tháng 9-2023, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tiếp tục là một trong những nội dung chính mà Thủ tướng Việt Nam mong muốn được đẩy mạnh hợp tác với Hoa Kỳ trong tương lai.

Có thể thấy sự quan tâm từ cả hai chính phủ Việt Nam và Hoa Kỳ cho lĩnh vực hợp tác phát triển giáo dục đã được duy trì và không ngừng nâng cao trong nhiều thập niên qua. Điều này không chỉ chuẩn bị những nền tảng pháp lý vững vàng cho các hoạt động hợp tác giữa hai nước mà còn là động lực để đẩy mạnh các hoạt động hợp tác giáo dục, tạo nên những thành tựu quan trọng trong hợp tác giáo dục đại học giữa Việt Nam và Hoa Kỳ kể từ năm 1995 đến nay.

2. Thành tựu hợp tác giáo dục đại học giữa Việt Nam và Hoa Kỳ (1995-2023)

Một trong những sự kiện đầu tiên đánh dấu sự hợp tác chính thức của Việt Nam và Hoa Kỳ trên lĩnh vực giáo dục đào tạo kể từ khi hai nước bình thường hóa mối quan hệ đó là sự kiện trường Đại học Tổng hợp Y khoa Arizona của Hoa Kỳ ký kết chương trình hợp tác khoa học 1995-1996 với trường Đại học Y khoa Hà Nội vào ngày 28-6-1995 (15). Sự khởi đầu này đã tạo tiền đề cho những hợp tác sâu rộng hơn về lĩnh vực giáo dục đại học giữa hai nước.

2.1. Hoạt động của các tổ chức hỗ trợ giáo dục

Nhìn nhận về quá trình hợp tác giáo dục giữa Việt Nam và Hoa Kỳ trong những năm 1995-2023, một lần nữa phải ghi nhận vai trò điều phối quan trọng, có tính quyết định của USAID. Tháng 8-1997, chính phủ Hoa Kỳ đã thông qua cơ chế đặc biệt, cho phép USAID hỗ trợ Việt Nam (16). Ngày 19-11-2000, Tổng thống Bill Clinton và Trợ lý Giám đốc USAID, Robert C. Randolph phụ trách khu vực châu Á và Cận Đông đã cắt băng khánh thành văn phòng đại diện USAID tại Hà Nội. Trong giai đoạn 2000-2009, USAID đã hỗ trợ các trường đại học Việt Nam trong vấn đề cải tiến giáo trình và phương pháp giảng dạy theo xu thế chung của giáo dục thế giới. USAID cũng đứng ra huy động ngân sách để viện trợ cho giáo dục Việt Nam.

Cùng với USAID, trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI, hoạt động tích cực của Quỹ Giáo dục Việt Nam (Vietnam Education Foundation - VEF) đã giúp đẩy mạnh quá trình hợp tác giữa Việt Nam và Hoa Kỳ trên lĩnh vực giáo dục. Quỹ Giáo dục Việt Nam được ra đời vào năm 2000 và do chính phủ Hoa Kỳ cấp kinh phí hoạt động. Nhiệm vụ chính của Quỹ là thúc đẩy quá trình hàn gắn và xây dựng mối quan hệ song phương Việt Nam - Hoa Kỳ trên cơ sở phục vụ lợi ích của hai quốc gia, thông qua giáo dục đào tạo trong các ngành khoa học như Vật lý, Toán, Y học, Công nghệ. Bằng việc cấp học bổng cho các học giả Việt Nam và Hoa Kỳ, Quỹ đã tạo điều kiện để đưa các nhà khoa học hàng đầu của Hoa Kỳ đến cùng làm việc với các nhà khoa học Việt Nam và đưa các nhà khoa học của Việt Nam đi đào tạo tại những trường đại học danh tiếng của Hoa Kỳ. Hoạt động của Quỹ Giáo dục Việt Nam tập trung vào ba chương trình lớn: Chương trình học bổng VEF; Chương trình học giả VEF; Chương trình giáo sư Hoa Kỳ giảng dạy tại Việt Nam. Trong giai đoạn 2000-2018, VEF đã trao gần 700 học bổng đào tạo sau đại học, nghiên cứu và giảng dạy. Hơn 400 sinh viên đã nhận học vị tiến sĩ, hơn 130 sinh viên hoàn thành chương trình thạc sĩ. Ngoài ra, VEF cũng đã tài trợ cho hơn 100 học giả Việt Nam và Hoa Kỳ trong việc giảng dạy, nghiên cứu và phát triển chuyên môn tại các cơ sở giáo dục và nghiên cứu của hai nước (17).

2.2. Hợp tác đào tạo, các chương trình liên kết

Không chỉ có vai trò năng động của các tổ chức Hoa Kỳ như USAID, VEF, chính phủ Việt Nam cũng đã tạo điều kiện thuận lợi cho mối quan hệ hợp tác giữa hai nước ngày càng phát triển. Năm 2008, Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Quyết định số 1505/QĐ-TTg ngày 15-10-2008, phê duyệt Đề án "Đào tạo theo chương trình tiên tiến tại một số trường đại học Việt Nam giai đoạn 2008-2015" với mục tiêu: Triển khai thực hiện một số chương trình tiên tiến đào tạo trình độ đại học nhằm tạo điều kiện để xây dựng và phát triển một số ngành đào tạo, khoa, trường đại học đạt chuẩn khu vực và đẳng cấp quốc tế; góp phần nâng cao chất lượng và triển khai các chương trình đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam; phấn đấu đến năm 2020 có một số trường đại học của Việt Nam được xếp hạng trong số 200 trường đại học hàng đầu thế giới (18). Thực hiện đề án này, các chương trình từ những trường đại học chất lượng của Hoa Kỳ thuộc top 200 đại học hàng đầu thế giới đã được các trường đại học tại Việt Nam lựa chọn và áp dụng trong giảng dạy. Khác với các chương trình chất lượng cao và liên kết, các chương trình giảng dạy tiên tiến bao gồm cả quy trình, kế hoạch đào tạo, quy định học vụ, quản lý đào tạo được thiết kế bởi các cơ sở giáo dục đại học của Hoa Kỳ và thực hiện giảng dạy bằng tiếng Anh. Số lượng sinh viên tham gia Chương trình tiên tiến tăng nhanh qua các năm. Đến năm 2022, số lượng sinh viên tham gia Chương trình tiên tiến đã tăng 219% so với năm 2018 (19).

Trong hợp tác đào tạo giữa Việt Nam và Hoa Kỳ, trường Đại học Fulbright Việt Nam là một trường hợp tiêu biểu cho nỗ lực bền bỉ và khát vọng phát triển giáo dục đại học giữa hai nước. Mặc dù chính thức được thành lập và hoạt động từ năm 2016 nhưng những hoạt động tiền thân với *Chương trình giảng dạy Kinh tế Fulbirght* đã được hai bên khởi động từ năm 1994, tức là trước cả thời điểm Việt Nam và Hoa Kỳ chính thức bình thường hóa mối quan hệ. Khác với các trường đại học quốc tế được thành lập và hoạt động ở Việt Nam, Đại học Fulbirght là trường đại học hoạt động theo mô hình "không lợi nhuận". Cụ thể, trường kêu gọi đầu tư vốn từ các quỹ, tổ chức của các trường đại học Hoa Kỳ, tổ chức đa quốc gia, công ty tư nhân để duy trì cho các hoạt động giáo dục của trường mà không phải trả chi phí quá nhiều cho việc đóng học phí. Bên cạnh đó, chính phủ Việt Nam cung cấp một phần kinh phí để xây dựng trường và trường sẽ thuộc về hai chính phủ Việt Nam và Hoa Kỳ. Hoạt động của Đại học Fulbright Việt Nam cũng là một điển hình tiên phong cho việc truyền tải mô hình giáo dục khai phóng của Hoa Kỳ tới Việt Nam. Năm 2023, những tân cử nhân đầu tiên của Đại học Fulbirgt Việt Nam đã tốt nghiệp (20). Mặc dù còn là một trường rất "trẻ", nhưng với chiến lược đúng đắn và uy tín ngày càng cao, Đại học Fulbright Việt Nam hứa hẹn trở thành lựa chọn hàng đầu của sinh viên Việt Nam và khu vực châu Á.

Một dự án nữa được triển khai hướng tới đổi mới giáo dục đại học được thực hiện trong giai đoạn 2021-2026 với ngân sách dự trù khoảng hơn 14 triệu USD, và sự tham dự của các cơ sở giáo dục bao gồm Đại học Indiana của Hoa Kỳ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Đà Nẵng của Việt Nam. Mục tiêu của chương trình là nâng cao các kỹ năng thực tế của sinh viên nhằm đáp ứng yêu cầu cạnh tranh ngày càng cao của

nền kinh tế toàn cầu. Trong khuôn khổ của dự án này, các giảng viên sẽ được đào tạo về thiết kế khóa học hiện đại và số hóa chương trình giảng dạy để tăng khả năng tiếp cận các nguồn tài nguyên kiến thức chất lượng cao. Dự án hỗ trợ tăng cường nghiên cứu và đổi mới sáng tạo thông qua hoạt động trao đổi và đào tạo giảng viên, hợp tác với khu vực tư nhân, các chương trình trao đổi học giả, hội nghị và hội thảo, đồng thời điều chỉnh các hoạt động nghiên cứu theo nhu cầu kinh tế và xã hội của đất nước. Dự kiến khi dự án kết thúc, ba đại học đối tác từ phía Việt Nam sẽ trở thành những hình mẫu giáo dục hiện đại, trang bị cho hơn 200.000 sinh viên hành trang để phát triển trong một thị trường toàn cầu ngày càng cạnh tranh và đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội của đất nước (21).

Có thể thấy, Hoa Kỳ luôn là một đối tác ưu tiên của Việt Nam trong hợp tác liên kết đào tạo. Theo thống kê của Cục hợp tác quốc tế thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam, năm 2015, Hoa Kỳ có 36/257 chương trình hợp tác liên kết đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt (22). Cho đến năm 2023, có khoảng 50 chương trình đào tạo liên kết giữa các trường đại học của Hoa Kỳ với các trường đại học của Việt Nam đang được thực hiện ở Việt Nam, trong đó phần lớn là đào tạo chương trình Cử nhân và Thạc sỹ; 6 cơ sở giáo dục có vốn đầu tư của Hoa Kỳ đang hoạt động tại Việt Nam (23).

Hoa Kỳ trở thành một trong những môi trường yêu thích nhất đối với du học sinh Việt Nam trong nhiều thập niên qua. Nếu năm 1995, số sinh viên Việt Nam học tập tại Hoa Kỳ chưa đến 800 người (24), thì giai đoạn 2010-2016, sinh viên Việt Nam tại Hoa Kỳ đã tăng từ 14.888 lên 22.438 sinh viên (25). Theo Viện Giáo dục quốc tế Hoa Kỳ (Institute of International Education), năm 2016, số lượng sinh viên Việt Nam đứng vị trí thứ 6 tại Hoa Kỳ. Ông Mark A. Ashwill, Giám đốc Viện Giáo dục quốc tế Hoa Kỳ cũng đánh giá thị trường giáo dục Việt Nam là thị trường tiềm năng đối với các tổ chức giáo dục Hoa Kỳ, trong khi Hoa Kỳ là quốc gia chiếm vị trí số một về xuất khẩu dịch vụ giáo dục (26). Năm 2022, tổng số du học sinh Việt Nam học tập, nghiên cứu tại Hoa Kỳ đã lên tới 30.000 du học sinh. Những năm gần đây, ngành học chủ yếu được lựa chọn của các sinh viên Việt Nam tại Hoa Kỳ cũng có sự thay đổi. Trong các thập niên trước, phần lớn du học sinh Việt Nam lựa chọn các ngành kinh tế như Quản trị kinh doanh, Kinh tế Tài chính, Quản trị Tài chính, Kế toán; còn một số ngành học khác như Chính sách công, Công nghệ thông tin, Điều dưỡng, Giáo dục thì tỷ lệ khiêm tốn hơn (27). Nhưng hiện nay, xu hướng lựa chọn ngành học của du học sinh Việt Nam tại Hoa Kỳ đã có nhiều thay đổi, việc lựa chọn ngành đa dạng hơn và cập nhật xu thế mới của thị trường lao động, một số ngành học yêu thích của sinh viên Việt Nam có thể kể tới như: Kỹ thuật công nghệ, Máy tính và Kinh tế, Khoa học và Công nghệ, Môi trường và Biến đổi khí hậu, Nông nghiệp, Giáo dục STEM (28).

2.3. Các dự án giáo dục đại học

Đầu tiên phải kể đến *Chương trình hợp tác giáo dục đại học ngành kỹ thuật* (hay còn gọi là HEEAP), được đánh giá là một sáng kiến giáo dục song phương thành công giữa hai nước. Dự án HEEAP được bắt đầu từ năm 2010 với mục tiêu đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đầu ra cho sinh viên, đảm bảo sinh viên ra trường có được những kiến thức và kỹ năng cần thiết theo yêu cầu của môi trường làm việc. Dự án tập trung cải thiện, chuyển đổi và hiện đại hóa các chương trình đại học và dạy nghề về kỹ

thuật hàng đầu Việt Nam. Dự án HEEAP đã đào tạo 247 giảng viên (trong đó có 65 giảng viên là nữ) từ 8 trường đại học đối tác, giảng dạy cho sinh viên sẵn sàng làm việc với các kỹ năng giao tiếp ứng dụng và kỹ thuật theo yêu cầu của các tập đoàn đa quốc gia (29). Năm 2012, USAID và các đối tác đã khởi động Chương trình HEEAP II, còn gọi là VULII, hướng tới nâng cao chất lượng giáo dục đại học, tăng cường năng lực về con người và thể chế để đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. VULII đã hỗ trợ, đào tạo cho hơn 2.300 người tham gia từ năm 2012 đến năm 2015 (30).

Nối tiếp sự thành công của HEEAP, USAID và trường Đại học bang Arizona tiếp tục hỗ trợ quá trình chuyển đổi giáo dục đại học Việt Nam với dự án *Thúc đẩy hợp tác trường đại học và doanh nghiệp thông qua đổi mới và công nghệ* (BUILT-IT). Trong suốt dự án, BUILD-IT đã hỗ trợ trao quyền cho phụ nữ và tổ chức các diễn đàn lãnh đạo, các sáng kiến học thuật và học bổng, song song với việc tạo cơ sở để tăng cường năng lực của các trường đại học trong việc tích hợp tiếng Anh dành cho khối ngành kỹ thuật và các kỹ năng chuyên nghiệp của thế kỷ XXI vào chương trình giảng dạy. Các đối tác chính phía Hoa Kỳ trong việc thực thi dự án này là Đại học bang Arizona, Đại học Công giáo Hoa Kỳ (Catholic University of America), Đại học bang Portland. Tại Việt Nam, các trường đại học tham gia dự án bao gồm: Trường Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Cần Thơ và một số trường đối tác khác. Các đối tác từ khu vực tư nhân bao gồm: Autodesk, Siemens, Tektronix, Pearson, National Instruments, Microsoft, S.E.N Platform, Mobifone, Tập đoàn Viettel, eSilicon, Intel, Oracle, Everest Education (31). Trong giai đoạn 2015-2023, hơn 6,1 triệu USD đầu tư của khối tư nhân đã được sử dụng vào việc cải tiến chương trình giảng dạy, đào tạo giảng viên, cơ sở vật chất hiện đại và các trung tâm đổi mới sáng tạo đã tác động tích cực đến hơn 9.000 giảng viên, nhân viên thông qua cải thiện trình độ; và hơn 20.000 sinh viên ngành công nghệ và kỹ thuật thông qua học tập dựa trên dự án. Cũng trong giai đoạn này, 69 chương trình STEM của đối tác và 3 trường đại học đối tác đã đạt được kiểm định quốc tế thông qua BUILD-IT (32).

Bên cạnh Công nghệ và Kỹ thuật, Y khoa cũng là một trong những ngành được ưu tiên trong hợp tác giáo dục giữa Việt Nam và Hoa Kỳ. Năm 2016, *Dự án liên minh cải thiện chất lượng đào tạo Y khoa và quản lý các bệnh mới nổi* (IMPACT-MED) đã được triển khai và kéo dài trong 10 năm (2016-2026) với ngân sách dự trù là 15.756.988 USD. Trước những tiến bộ mới về công nghệ và bối cảnh y tế đang thay đổi, giáo dục Y khoa tại Việt Nam cần sự đổi mới tích cực nhằm đảm bảo người cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khoẻ có thể cung cấp dịch vụ chất lượng cao cho người dân và là đối tác tích cực trong ứng phó trước các nguy cơ về sức khoẻ và đại dịch toàn cầu. Từ năm 2016 đến năm 2022, IMPACT-MED đã hỗ trợ đổi mới chương trình đào tạo đại học 6 năm dành cho bác sĩ y khoa tại 5 trường đại học Y Dược, bao gồm: Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh, Y dược Huế, Y dược Thái Nguyên, Y dược Thái Bình và Y dược Hải Phòng. Đổi mới chương trình đào tạo được dựa trên lý thuyết sang chương trình toàn diện dựa trên năng lực có tích hợp kiến thức y tế, kỹ năng lâm sàng và tính chuyên nghiệp cũng như phương pháp tiếp cận mang tính hợp

tác giữa bác sĩ và bệnh nhân. Sau 5 năm triển khai, IMPACT-MED đã cơ bản hỗ trợ đổi mới chương trình đào tạo nội trú ngoại tổng quát tại trường Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh. Với những thành công của dự án, IMPACT-MED được dự đoán sẽ hoàn thành đưa vào giảng dạy chương trình 6 năm đào tạo bác sĩ y khoa tại 10 trường đại học Y khoa hàng đầu Việt Nam, trong đó 6 trường sẽ giảng dạy chương trình bác sĩ nội trú đổi mới về ngoại tổng quát và nội khoa, mang lại lợi ích cho 18.000 sinh viên Y khoa và bác sĩ nội trú. Hơn 4.000 giảng viên sẽ được đào tạo về phương pháp giáo dục Y khoa mới. Ngoài ra, hơn 20 bệnh viện sẽ được cải tiến hệ thống giám sát và phòng ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện và 2.000 cán bộ y tế có thể áp dụng các thực hành tốt nhất trong phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn và sử dụng kháng sinh (33). Những số liệu trên là một minh chứng thuyết phục cho sự tăng tiến và mối quan hệ tốt đẹp của Việt Nam và Hoa Kỳ trong lĩnh vực hợp tác giáo dục đại học.

2.4. Những cam kết hợp tác giáo dục đại học giữa Việt Nam - Hoa Kỳ trong giai đoạn tiếp theo

Hợp tác giáo dục mà trọng tâm là lĩnh vực giáo dục đại học sẽ tiếp tục là một trong những lĩnh vực được ưu tiên trong các hoạt động hợp tác giữa Việt Nam và Hoa Kỳ trong giai đoạn tiếp theo. Điều này được khẳng định rõ qua các cuộc trao đổi và những văn bản quan trọng được ký kết giữa hai chính phủ trong những năm gần đây.

Năm 2022, trong và bên lề Hội nghị Thượng đỉnh về chuyển đổi giáo dục diễn ra tại Hoa Kỳ, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam Nguyễn Kim Sơn đã có những trao đổi với Bộ trưởng Giáo dục Hoa Kỳ, đại diện Ngân hàng Thế giới, Tập đoàn Microsoft và Đại học New York. Bộ trưởng Nguyễn Kim Sơn nhấn mạnh, Hoa Kỳ là một trong số những đối tác trọng tâm trong hợp tác về giáo dục (34). Những nội dung hợp tác chủ đạo giữa hai nước trong giai đoạn tiếp theo được Bộ trưởng đề cập bao gồm: nâng cao chất lượng giáo dục đại học (đào tạo, nghiên cứu, kiểm định chất lượng) và giảng dạy tiếng Anh; khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học nổi tiếng mở phân hiệu hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam; khuyến khích các nhà đầu tư Hoa Kỳ tăng cường hợp tác đầu tư tại Việt Nam trong lĩnh vực giáo dục; quan tâm đến các du học sinh Việt Nam đang theo học tại các cơ sở giáo dục của Hoa Kỳ. Từ phía Hoa Kỳ, Bộ trưởng Bộ Giáo dục Miguel Cardona khẳng định, Hoa Kỳ luôn sẵn sàng là đối tác với Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam; đảm bảo rằng các cơ quan thuộc ngành giáo dục Hoa Kỳ sẽ hợp tác hỗ trợ Việt Nam cũng như chia sẻ một số chiến lược giáo dục của Hoa Kỳ; đồng thời thúc đẩy việc hỗ trợ sinh viên Việt Nam đang tìm kiếm cơ hội theo đuổi học tập, cũng như các học sinh, sinh viên đang theo học tại Hoa Kỳ. Ông Miguel Cardona còn nhấn mạnh, Hoa Kỳ luôn chú trọng đến việc nâng cao cơ hội tiếp cận giáo dục đại học và đảm bảo mang lại sự phát triển chính sách cho sinh viên có điều kiện học tập, sinh sống tại Hoa Kỳ cũng như đảm bảo việc tiếp cận bình đẳng giáo dục (35).

Năm 2023, trong chuyến thăm và làm việc tại Hoa Kỳ, Thủ tướng Phạm Minh Chính tiếp tục nhấn mạnh, đẩy mạnh hợp tác về giáo dục là một trong những ưu tiên trong các hoạt động hợp tác với Hoa Kỳ. Cũng trong năm 2023, một năm mang tính bước ngoặt trong quan hệ hai nước, trong *Tuyên bố chung về nâng cấp quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ lên Đối tác chiến lược toàn diện*, hợp tác về giáo dục và đào tạo được khẳng định là một trong những trụ cột chính trong các hoạt động hợp tác giữa hai nước.

Tháng 11-2023, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đã ký một bản ghi nhớ với Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam. Theo đó, hai bên tăng cường trao đổi, đối thoại về giáo dục giữa lãnh đạo hai nước, lãnh đạo lĩnh vực giáo dục và đào tạo; trao đổi cán bộ quản lý giáo dục, nhà nghiên cứu, giảng viên, giáo viên, sinh viên, học sinh, tình nguyện viên trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; trao đổi công nhận trình độ và văn bằng chứng chỉ; thúc đẩy phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục. Bên cạnh đó, thỏa thuận cũng hướng tới đẩy mạnh hợp tác giáo dục STEM, đào tạo và hợp tác nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực công nghệ, bán dẫn, vi mạch; tăng cường hợp tác, nâng cao chất lượng học tập và giảng dạy tiếng Anh tại Việt Nam và giảng dạy tiếng Việt tại Hoa Kỳ; xúc tiến hợp tác của khu vực tư nhân nhằm hỗ trợ thực hiện các mục tiêu giáo dục, đào tạo. Ngoài ra, Việt Nam và Hoa Kỳ sẽ phối hợp tổ chức các hội thảo, triển lãm giáo dục và hội nghị chuyên đề chung liên quan đến giáo dục và đào tạo (36).

Những trao đổi và các văn bản ký kết trên không chỉ định hướng rõ các nội dung hợp tác giữa Việt Nam và Hoa Kỳ trên lĩnh vực giáo dục mà trọng tâm là giáo dục đại học trong giai đoạn tiếp theo mà còn tạo cơ sở pháp lý thuận lợi để đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động hợp tác giữa hai nước xứng tầm với vị thế mới trong mối quan hệ hai nước - *Đối tác chiến lược toàn diện* và gắn liền với những yêu cầu phát triển thực tế của Việt Nam và Hoa Kỳ.

3. Kết luận

Có thể khẳng định, hợp tác giáo dục đại học là một trong những lĩnh vực trọng tâm và đã đạt được những kết quả nổi bật trong các hoạt động hợp tác giữa Việt Nam và Hoa Kỳ trong giai đoạn 1995-2023. Các thành tựu trong hợp tác về giáo dục đại học trong gần 30 năm giữa Việt Nam và Hoa Kỳ không nằm ngoài sự chi phối của chính sách đối ngoại, chiến lược phát triển quốc gia và tỷ lệ thuận với sự nâng cấp trong mối quan hệ giữa hai nước. Với lòng nhiệt tâm của các cá nhân, tổ chức từ cả Việt Nam và Hoa Kỳ đối với các hoạt động nhân văn và tiến bộ, cũng như kế thừa những di sản hợp tác về giáo dục đã có từ những năm 1954-1975, Việt Nam và Hoa Kỳ đã trải qua những thăng trầm để xây dựng nên một chương lịch sử mới của hợp tác cùng phát triển. Sự phát triển mạnh mẽ trong mối quan hệ hợp tác giáo dục đại học giữa hai nước được thể hiện rõ nét hơn từ đầu thế kỷ XXI cho đến nay với nhiều dự án lớn được triển khai, tập trung vào các lĩnh vực giáo dục trọng điểm của hai nước. Hoa Kỳ không chỉ là đối tác ưu tiên của chính phủ Việt Nam trong các dự án giáo dục mà còn là điểm đến yêu thích của du học sinh Việt Nam trong nhiều năm qua.

Với những thành tựu đã có và mối quan hệ chặt chẽ của hai nước trong vai trò là đối tác chiến lược toàn diện sẽ hứa hẹn cho những hợp tác mạnh mẽ hơn, sâu rộng hơn giữa Việt Nam và Hoa Kỳ trong giai đoạn tiếp theo. Trong *Tuyên bố chung về nâng cấp quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ lên Đối tác chiến lược toàn diện* nêu rõ: "Việt Nam và Hoa Kỳ nhận thức rằng việc đảm bảo thịnh vượng lâu dài chỉ có thể đạt được khi người dân hai nước có nhiều cơ hội học tập các kỹ năng mới, trao đổi ý tưởng, tích lũy kinh nghiệm và hiểu biết quốc tế. Theo đó, Việt Nam và Hoa Kỳ khuyến khích mở rộng cánh cửa các trường đại học và các phòng thí nghiệm của hai nước nhằm chia sẻ những kinh nghiệm tốt, các tiến bộ khoa học và cơ hội học tập, trong đó tập trung hỗ trợ ngày càng nhiều sinh viên, giáo viên, học giả và chuyên gia nghiên cứu Việt Nam tham gia các chương trình giáo dục và đào tạo tại Hoa

Kỳ. Việt Nam cũng hoan nghênh việc ngày càng nhiều sinh viên, học giả và giáo sư của Hoa Kỳ theo học, nghiên cứu và giảng dạy tại các trường đại học của Việt Nam, đồng thời khuyến khích các trường đại học Hoa Kỳ thiết lập quan hệ đối tác với các trường đại học Việt Nam, trong đó có việc mở phân hiệu tại Việt Nam" (37).

Phải khẳng định rằng, những thành tựu về hợp tác giáo dục đại học Việt Nam - Hoa Kỳ không chỉ là kết quả từ mối quan hệ tốt đẹp của hai nước, mà ở chiều cạnh ngược lại, hợp tác giáo dục đại học còn là nhân tố góp phần thúc đẩy, tăng cường mối quan hệ giữa hai Việt Nam và Hoa Kỳ một cách chặt chẽ hơn, sâu rộng hơn.

CHÚ THÍCH

(1). Quỹ Châu Á cùng với một số tổ chức khác của Hoa Kỳ như: ICR (International Rescue Committeee), AFVN (American Friends of Vietnam), CARE và Newland Foundation đã ủng hộ 2/3 trong tổng số 10.000 quyển sách cho thư viện của Viện Đại học Huế. Năm 1971, Quỹ Châu Á đã dành 1.500 đô la Mỹ để trang bị đồ dùng cho thư viện của Viện Đại học Đà Lạt, 7.000 đô la Mỹ mua tài liệu tham khảo đặc biệt. Tương tự, Viện Đại học Vạn Hạnh cũng nhận được 2.000 đô la Mỹ cho khoản chi này. Một hạng mục khác, ngân sách mua sắm các thiết bị, dụng cụ cho phòng thí nghiệm và đồ dùng học tập được Quỹ Châu Á đầu tư nhiều hơn với con số là 3.500 đô la Mỹ cho Viện Đại học Đà Lạt và 25.000 đô la Mỹ cho Viện Đại học Vạn Hạnh.

Số liệu tổng hợp từ các nguồn: (1) Vietnam Virtual Archives, "Various articles from the New York Times about Vietnam", File 1780220017, Vietnam Center and Sam Johnson Vietnam Archive, Texas Tech University, the US; (2) Hồ sơ kiểm soát ngân khoản hợp đồng tài trợ The Asia Foundation về chương trình giáo dục đại học năm 1971, Hồ sơ số 2811, Phông Cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ, Nha Tài vụ, Trung tâm lưu trữ Quốc gia II, Tp.Hồ Chí Minh.

(2). Robert Scigliano and Guy H. Fox, *Technical Assistance in Vietnam, the Michigan State University Experience,* New York-Washington-London: Frederick A. Praeger Publisher, 1965.

(3). Vietnam Virtual Archives, "Pamphlet Education Projects in South Vietnam Produced by United States Agency for International Development, Saigon", File 12190102001, The Vietnam Center and Sam Johnson Archive, Texas Tech University, the US.

(4). Vietnam Virtual Archives, "Report - USAID/Vietnam Office of Education Briefing Material", File 12190115003, The Vietnam Center and Sam Johnson Archive, Texas Tech University, the US.

(5). Thomas Charles Reich, *Higher Education in Vietnam: United States Agency for International Development Contract in Education, Wisconsin State University - Steven Point and Republic of Vietnam*, University of Wisconsin-Stevens Point, Master Thesis, 2003.

(6). Minh Phương, "Dấu ấn cựu Tổng thống Mỹ Bill Clinton qua những chuyến thăm Việt Nam", *Dân trí*, truy cập tại https://dantri.com.vn/the-gioi/dau-an-cuu-tong-thong-my-bill-clinton-qua-nhung-chuyen-tham-viet-nam-20160516105254726.htm.

(7). Phạm Cao Cường, "Chính sách đối ngoại của Mỹ đối với Đông Nam Á từ sau sự kiện 11/9", Tạp chí *Châu Mỹ ngày nay*, số 6 (87-2005), tr.23-40.

(8). "Tổng thống Mỹ George W. Bush thăm chính thức Việt Nam", *Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ*, truy cập tại https://vietnamembassy-usa.org/vi/tin-tuc/2006/11/tong-thong-my-george-wbush-tham-chinh-thuc-viet-nam.

(9). Bùi Thị Thảo, *Sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của Mỹ và Nga đối với Việt Nam thời kỳ sau Chiến tranh Lạnh*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr. 97.

(10). "Bài phát biểu của ông Obama trong buổi nói chuyện tại Hà Nội", truy cập tại https://baotintuc.vn/thoi-su/bai-phat-bieu-cua-ong-obama-trong-buoi-noi-chuyen-tai-ha-noi-20160525141119813.htm.

(11). Open door, *2020 Fact Sheet: Vietnam*, truy cập tại https://opendoorsdata.org/wp-content/uploads/2020/11/Vietnam-2020.pdf.

(12). Ban Tuyên giáo Trung ương, "Kết quả chuyến thăm cấp Nhà nước tới Việt Nam của Tổng thống Joe Biden", truy cập tại https://noibo.kiengiang.dcs.vn/tai-lieu-sinh-hoat-chi-bo/ket-qua-chuyen-tham-cap-nha-nuoc-toi-viet-nam-cua-tong-thong-hoa-ky-joe-biden-254.html.

(13). USAID, *Chiến lược phát triển quốc gia tại Việt Nam 2014-2018*, truy cập tại https://2012-2017.usaid.gov/sites/default/files/documents/1861/CDCS_Vietnam_2014-2018_final_Vie.pdf.

(14) "Tuyên bố chung về tăng cường Đối tác toàn diện giữa Việt Nam và Hoa Kỳ", truy cập tại https://baochinhphu.vn/tuyen-bo-chung-ve-tang-cuong-doi-tac-toan-dien-giua-viet-nam-va-hoa-ky-102221934.htm.

(15). Nguyễn Thị Quế, Lê Trọng Thưởng, "Hợp tác giáo dục, đào tạo giữa Việt Nam và Hoa Kỳ: Thành tựu trong 20 năm qua và tiềm năng 20 năm tới", Tạp chí *Thông tin Đối ngoại,* số 8-2016, tr.61.

(16). "Các mốc lịch sử quan trọng trong quan hệ Hoa Kỳ - Việt Nam", truy cập tại https://vn.usembassy.gov/vi/chronCology-of-u-s-vietnamrelations/:~:text=Th%C3%A1ng%208%20%E2%80%93%20Ch%C3%ADnh%20ph%E1%BB%A7%20M%E1%BB%B9,v%C3%A0%20ch%C3%ADnh%20s%C3%A1ch%20th%C6%B0%C6%A1ng%20m%E1%BA%A1i.

(17). "Quỹ Giáo dục Việt Nam VEF: Chất xúc tác cho quá trình đổi mới tại Việt Nam", truy cập tại https://viasm.edu.vn/hoat-dong-khoa-hoc/tin-tuc/chi-tiet/vef-viet-nam.

(18). Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 1505/QĐ-TTg, Phê duyệt Đề án "Đào tạo theo chương trình tiên tiến tại một số trường đại học Việt Nam giai đoạn 2008-2015*", truy cập tại https://chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=86901

(19). "Vietnam seeks stronger education partnership with US", truy cập tại https://vietnamnet.vn/en/vietnam-seeks-stronger-education-partnership-with-us-2063732.html.

(20). "Đại học Fulbirght Việt Nam: Phát triển và bền vững", truy cập tại https://www.usaid.gov/vi/vietnam/fact-sheets/fulbright-university-vietnam-fuv-support.

(21). USAID, "Dự án Hợp tác Đổi mới Giáo dục Đại học", truy cập tại https://usaid.gov/vi/vietnam/fact-sheets/partnership-higher-education-reform.

(22). Cục Hợp tác quốc tế, "Danh sách các chương trình liên kết đào tạo với Hoa Kỳ đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt (2002-2015)", truy cập tại http://vied.vn/vi/.

(23). "Bộ trưởng Nguyễn Kim Sơn dự Hội nghị Thượng đỉnh giáo dục tại Hoa Kỳ", truy cập tại https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/hoi-nhap-quoc-te-ve-gddt/Pages/Default.aspx?ItemID=8126.

(24). Nguyễn Thị Thanh Thủy, "Hợp tác giáo dục đại học giữa Việt Nam và Hoa Kỳ từ đầu thập niên 1990 đến nay", Tạp chí *Châu Mỹ ngày nay*, số 7 -2015, tr.14.

(25). Nguyễn Thị Huyền Thảo, *Hợp tác giáo dục đại học trong quan hệ Việt Nam -Hoa Kỳ từ năm 1995 đến năm 2016*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2023, tr.136.

(26). Mark A. Ashwill, "US Institutions Find Fertile Ground in Vietnam's Expanding Higher

Education Market", *International Higher Education*, Issue 44 -2006, tr.13.

(27). Cục Hợp tác quốc tế, "Danh sách các chương trình liên kết đào tạo với Hoa Kỳ đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt (2002-2015)", truy cập tại http://vied.vn/vi/.

(28). Việt Hà, "Hợp tác giáo dục: Điểm nhấn trong mối quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ", *Tin tức*, truy cập tại https://baotintuc.vn/hop-tac-giao-duc-diem-nhan-trong-moi-quan-he-viet-nam-hoa-ky-n20230909221725821.htm.

(29). Theo https://heeap.org.

(30). "Cùng nhau tạo nên sự thay đổi", *Giáo dục Thủ đô*, truy cập tại https://giaoducthudo.giaoducthoidai.vn/cung-nhau-tao-nen-su-thay-doi-12803.html.

(31). "Giới thiệu Dự án BUILD - IT", truy cập tại http://dut.udn.vn/BUILD-IT/Gioithieu/id/1877.

(32). "Dự án thúc đẩy hợp tác trường đại học - doanh nghiệp thông qua đổi mới và công nghệ (BUILD - IT)", truy cập tại https://builditvietnam.org/sites/default/files/2021-08/FS_BUILDIT_AUG%202021_DRAFT%20(2-AF)_VIE_1.pdf.

(33). "Liên minh cải thiện chất lượng đào tạo y khoa và quản lý các bệnh mới nổi (IMPACT - MED)", truy cập tại https://www.usaid.gov/vi/vietnam/fact-sheets/improving-access-curriculum-and-teaching-medical-education-and-emerging-diseases-impact-med-alliance.

(34). "Bộ trưởng Nguyễn Kim Sơn dự Hội nghị Thượng đỉnh giáo dục tại Hoa Kỳ", truy cập tại https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/hoi-nhap-quoc-te-ve-gddt/Pages/Default.aspx?ItemID=8126.

(35). "Bộ trưởng Nguyễn Kim Sơn dự Hội nghị Thượng đỉnh giáo dục tại Hoa Kỳ", truy cập tại https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/hoi-nhap-quoc-te-ve-gddt/Pages/Default.aspx?ItemID=8126.

(36). "Việt Nam và Hoa Kỳ ký ghi nhớ hợp tác về giáo dục và đào tạo", truy cập tại https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/tin-tong-hop.aspx?ItemID=8868.

(37). "Toàn văn Tuyên bố chung về nâng cấp quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ lên Đối tác chiến lược toàn diện", truy cập tại https://baochinhphu.vn/toan-van-tuyen-bo-chung-ve-nang-cap-quan-he-viet-nam-hoa-ky-len-doi-tac-chien-luoc-toan-dien-102230911170243626.htm.